

Số : 04 /QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2023
của trường tiểu học Vĩnh Khê**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 02-dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2023 và biểu thuyết minh chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu HS.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính



Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THVK ngày 04/01/2023 của Hiệu trưởng trường tiểu học Vĩnh Khê)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.605.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.605.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.605.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2023

ĐVT: Đồng

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>	<u>9.605.000.000</u>	<u>2.366.839.000</u>	<u>2.366.000.000</u>	<u>2.484.161.000</u>	<u>2.388.000.000</u>
<u>A</u>	<u>Kinh phí tư chủ</u>	<u>9.605.000.000</u>	<u>2.366.839.000</u>	<u>2.366.000.000</u>	<u>2.484.161.000</u>	<u>2.388.000.000</u>
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>7.364.161.000</u>	<u>1.811.000.000</u>	<u>1.826.000.000</u>	<u>1.869.161.000</u>	<u>1.858.000.000</u>
	Mục 6000	3.872.000.000	960.000.000	965.000.000	970.000.000	977.000.000
	Mục 6050	60.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
	Mục 6100	2.230.000.000	550.000.000	555.000.000	560.000.000	565.000.000
	Mục 6200	28.161.000			28.161.000	
	Mục 6250	24.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	Mục 6300	1.150.000.000	280.000.000	285.000.000	290.000.000	295.000.000
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>2.020.839.000</u>	<u>500.839.000</u>	<u>485.000.000</u>	<u>560.000.000</u>	<u>475.000.000</u>
	Mục 6500	80.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000
	Mục 6550	195.839.000	45.839.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
	Mục 6600	40.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	Mục 6650	10.000.000	-	-	10.000.000	-
	Mục 6700	40.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	Mục 6750	110.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	5.000.000
	Mục 6900	780.000.000	200.000.000	180.000.000	200.000.000	200.000.000
	Mục 6950	50.000.000	-	-	50.000.000	-
	Mục 7000	700.000.000	180.000.000	180.000.000	160.000.000	180.000.000
	Mục 7050	15.000.000		-	15.000.000	
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>220.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>55.000.000</u>
	Mục 7750	220.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000

KẾ TOÁN

Nguyễn Hương Bưởi

Mạo Khê, ngày 04 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nguyệt